TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 113/2018/QĐST- HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 16 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **123/2018/TLST - HNGĐ** ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Hoàng Thị N –** Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Triệu Văn D** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Hoàng Thị N –** Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Anh **Triệu Văn D** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn D.

- Về việc nuôi con chung: Khi ly hôn, Chị Hoàng Thị N là người có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Triệu Đình N - sinh ngày 18/5/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian đóng góp bắt đầu từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn D mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Anh D phải chịu 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị N đã tự nguyện chịu thay tiền án phí cho anh D. Tổng số tiền án phí chị N phải chịu là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0000407 ngày 18/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cao Bằng. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Đinh Thị Hoài Phương